

GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Trước và sau khi soát xét Báo cáo tài chính bán niên 2014

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên tổ chức niêm yết: **Công ty Cổ phần Sông Đà 19**

Trụ sở chính: B78, TT9, Khu đô thị Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại: 043.7876376

Fax: 043.7876375

Website: songda19.com.vn

Chúng tôi xin giải trình chênh lệch kết quả sản xuất kinh doanh trước và sau khi soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2014 như sau:

- Lợi nhuận sau thuế trong BCTC bán niên 2014 trước kiểm toán: -1.940.878.127, đồng
- Lợi nhuận sau thuế trong BCTC bán niên 2014 sau kiểm toán : - 1.741.588.189, đồng
- Chênh lệch : 199.289.938, đồng

Nguyên nhân:


1. Các yếu tố làm giảm lỗ:

a/ Hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư dài hạn khác vào Công ty CP điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) đã niêm yết trên sàn UPCOM làm giảm chi phí tài chính giá trị 150.000.000 đồng.

b/ Điều chỉnh giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp từ 25% xuống 22% làm giảm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đồng thời tăng Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại số tiền là 24.644.969 đồng.

2. Các yếu tố làm tăng lỗ: (Không có)

Nơi nhận:

- Như kính gửi (B/c);
- Website SD19; 
- Lưu TCKT, TCHC.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Trung Trữc



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 19**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	13 - 33



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Sông Đà 19 được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 869/QĐ-BXD ngày 18 tháng 6 năm 2003 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400450691 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 09 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do tăng vốn điều lệ, thay đổi địa chỉ kinh doanh và đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh, trong đó lần thứ 09 là ngày 23 tháng 5 năm 2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 50.000.000.000 VND (Năm mươi tỷ đồng)

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông sáng lập	2.021.100.000	4,04
Ông Vũ Kim Long	470.000.000	0,94
Ông Trịnh Quốc Liễu	292.020.000	0,58
Ông Phan Văn Hào	629.540.000	1,26
Ông Trần Mạnh Cường	629.540.000	1,26
Các cổ đông khác	47.978.900.000	95,96
Cộng	50.000.000.000	100

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : TT9 - B78(59), Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
 Điện thoại : 043 787 6376
 Fax : 043 787 6375
 Website : songda19.com.vn
 Mã số thuế : 0 4 0 0 4 5 0 6 9 1

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Chuẩn bị mặt bằng: dịch vụ nổ mìn; san lấp và chuẩn bị mặt bằng công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: đầu tư và kinh doanh bất động sản; kinh doanh cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu: Khai thác, chế biến khoáng sản (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của nhà nước cho phép);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn khoáng sản;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến áp, sân bay, bến cảng, cầu; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng;
- Phá dỡ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: xuất nhập khẩu vật tư và thiết bị;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: xây dựng các công trình giao thông;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: đầu tư xây dựng và kinh doanh điện;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: bán buôn vật liệu xây dựng;

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Trồng lúa;
- Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác: Các hoạt động gieo trồng ngô (trừ trồng ngô cây làm thức ăn cho gia súc) và các loại cây lương thực có hạt khác như lúa mỳ, lúa mạch, cao lương, kê;
- Trồng cây lấy củ có chất bột; trồng cây mía; trồng cây thuốc lá, thuốc lào; trồng cây lấy sợi;
- Trồng cây có hạt chứa dầu;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng cây hàng năm khác: Các hoạt động trồng cây thức ăn gia súc như trồng ngô cây, trồng cỏ và quy hoạch, chăm sóc đồng cỏ tự nhiên; thả bèo nuôi lợn; trồng cây làm phân xanh (muồng muồng),...;
- Trồng cây ăn quả; trồng cây lấy quả chứa dầu;
- Trồng cây điều; cây hồ tiêu; cây cao su; cây cà phê; cây chè; cây gia vị, cây dược liệu;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt; dịch vụ chăn nuôi; hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Xử lý hạt giống để nhân giống./.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Trong kỳ, cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán SJM) bị hủy niêm yết ngày 25 tháng 4 năm 2014 theo Quyết định số 142/QĐ-SGDHN ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội do bị lỗ trong 3 năm liên tiếp 2011, 2012 và 2013. Ngày 20 tháng 5 năm 2014 cổ phiếu SJM được chấp thuận đăng ký giao dịch và ngày 22 tháng 5 năm 2014 cổ phiếu SJM chính thức được giao dịch trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 6 đến trang 33).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Mạnh Cường	Chủ tịch	12 tháng 4 năm 2013
Ông Vũ Trung Trực	Thành viên	12 tháng 4 năm 2013
Ông Vũ Kim Long	Thành viên	12 tháng 4 năm 2013
Ông Bùi Khắc Giang	Thành viên	12 tháng 4 năm 2013
Ông Đinh Quang Chiến	Thành viên	12 tháng 4 năm 2013

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Thế Anh	Trưởng ban	12 tháng 4 năm 2013
Ông Bùi Tuấn Dũng	Thành viên	12 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Việt Dũng	Thành viên	12 tháng 4 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Vũ Trung Trực	Tổng Giám đốc	16 tháng 8 năm 2012
Ông Phan Văn Hào	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 8 năm 2003
Ông Bùi Khắc Giang	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 4 năm 2010

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 19 tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,
Tổng Giám đốc



Vũ Trung Trực

Ngày 4 tháng 8 năm 2014



Số: 333/2014/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT
THỨC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Sông Đà 19 gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, được lập ngày 4 tháng 8 năm 2014, từ trang 6 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Giám đốc

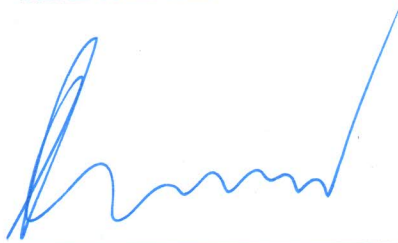


Nguyễn Hoàng Đức

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Hà Nội, ngày 4 tháng 8 năm 2014

Kiểm toán viên



Lê Văn Khoa

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2013-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		52.229.907.435	62.923.855.508
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	72.328.653	505.857.140
1. Tiền	111		72.328.653	505.857.140
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.074.486.348	43.468.526.782
1. Phải thu khách hàng	131		32.080.319.858	41.022.451.146
2. Trả trước cho người bán	132		3.186.437.885	2.678.554.885
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	23.112.128.272	23.071.920.418
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.3	(23.304.399.667)	(23.304.399.667)
IV. Hàng tồn kho	140		9.818.290.306	11.714.176.239
1. Hàng tồn kho	141	V.4	9.818.290.306	11.714.176.239
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.264.802.128	7.235.295.347
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	58.549.087
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	7.264.802.128	7.176.746.260

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		18.949.158.337	15.868.470.966
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		689.842.223	800.661.377
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	689.842.223	800.661.377
<i>Nguyên giá</i>	222		1.858.032.659	1.858.032.659
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.168.190.436)	(1.057.371.282)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		18.211.316.114	15.019.809.589
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.7	-	7.519.951.811
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.8	17.291.458.336	6.730.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.9	1.900.000.000	1.900.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.10	(980.142.222)	(1.130.142.222)
V. Tài sản dài hạn khác	260		48.000.000	48.000.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	48.000.000	48.000.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		71.179.065.772	78.792.326.474

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B7&(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		51.199.881.669	57.071.554.182
I. Nợ ngắn hạn	310		51.019.151.898	56.660.804.702
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	12.454.171.874	14.757.666.064
2. Phải trả người bán	312		18.963.564.541	23.826.440.974
3. Người mua trả tiền trước	313		5.440.980.953	4.430.375.324
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	2.301.152.897	2.204.320.040
5. Phải trả người lao động	315		378.864.454	406.049.171
6. Chi phí phải trả	316	V.14	2.005.095.933	1.559.525.713
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	9.461.867.909	9.462.974.079
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.16	13.453.337	13.453.337
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		180.729.771	410.749.480
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.17	180.729.771	410.749.480
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		19.979.184.103	21.720.772.292
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	19.979.184.103	21.720.772.292
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		13.510.260.157	13.510.260.157
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.057.911.703	3.057.911.703
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		775.138.871	775.138.871
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(47.364.126.628)	(45.622.538.439)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		71.179.065.772	78.792.326.474

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	minh		
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		49.616.895	49.616.895
5. Ngoại tệ các loại:			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu



Hoàng Việt Thanh

Kế toán trưởng



Trần Trung Khin

Lập, ngày 4 tháng 8 năm 2014

Tổng Giám đốc



Vũ Trung Trực

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.518.569.499	19.461.884.156
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.518.569.499	19.461.884.156
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	4.149.670.689	17.663.629.913
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		368.898.810	1.798.254.243
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.449.281	5.968.525
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	533.355.691	1.160.821.077
Trong đó: chi phí lãi vay	23		683.355.691	1.150.126.869
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	1.596.588.326	1.584.239.856
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.759.595.926)	(940.838.165)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	-	3.225.478.182
12. Chi phí khác	32	VI.7	31.282.201	2.231.864.050
13. Lợi nhuận khác	40		(31.282.201)	993.614.132
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.790.878.127)	52.775.967
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		180.729.771	205.374.740
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(230.019.709)	(205.374.740)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(1.741.588.189)</u>	<u>52.775.967</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>(348)</u>	<u>11</u>

Người lập biểu

Hoàng Việt Thanh

Kế toán trưởng

Trần Trung Khìn

Lập, ngày 4 tháng 8 năm 2014

Tổng Giám đốc



Vũ Trung Trực

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(1.790.878.127)	52.775.967
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	110.819.154	118.668.644
- Các khoản dự phòng	03	(150.000.000)	10.494.208
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	(1.104.620.267)
- Chi phí lãi vay	06	683.355.691	1.150.126.869
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.146.703.282)	227.445.421
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	5.323.027.128	3.065.830.452
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.895.885.933	6.509.574.558
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(3.559.765.600)	(11.535.687.534)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	-	3.441.500
- Tiền lãi vay đã trả	13	(642.478.476)	(664.534.491)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	20.360.580
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(36.959.091)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.869.965.703	(2.410.528.605)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	3.213.318.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-	3.213.318.182

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-		-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.544.150.810		9.087.702.542
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.847.645.000)		(10.372.820.523)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-		-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(2.303.494.190)</i>		<i>(1.285.117.981)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>		<i>(433.528.487)</i>		<i>(482.328.404)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>V.1</i>	<i>505.857.140</i>		<i>544.406.788</i>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-		-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	<i>70</i>	<i>V.1</i>	<i>72.328.653</i>		<i>62.078.384</i>

Lập, ngày 4 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Vũ Trung Trực

Hoàng Việt Thanh

Trần Trung Khìn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại, khách sạn,...
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến áp.

4. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 Công ty có 20 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 27 nhân viên).

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ, cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán SJM) bị hủy niêm yết ngày 25 tháng 4 năm 2014 theo Quyết định số 142/QĐ-SGDHN ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội do bị lỗ trong 3 năm liên tiếp 2011, 2012 và 2013. Ngày 20 tháng 5 năm 2014 cổ phiếu SJM được chấp thuận đăng ký giao dịch và ngày 22 tháng 5 năm 2014 cổ phiếu SJM chính thức được giao dịch trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng trả trước thể hiện khoản tiền thuê văn phòng đã trả cho phần diện tích Công ty đang sử dụng. Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

10. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

11. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Tiền bản quyền

Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

15. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua tài sản tài chính đó.

16. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

17. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.245.061	940.144
Tiền gửi ngân hàng	69.083.592	504.916.996
Cộng	<u>72.328.653</u>	<u>505.857.140</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền BHXH, BHYT, BHTN phải thu nhân viên	106.265.648	66.057.794
Phải thu Ban Quản lý dự án Giao thông Nông thôn Đà Nẵng tiền đền bù giải phóng mặt bằng	9.557.000	9.557.000
Phải thu ông Trương Văn Tuấn - tiền cho vay	6.000.000.000	6.000.000.000
Phải thu các chủ nhiệm công trình	16.996.305.624	16.996.305.624
Cộng	<u>23.112.128.272</u>	<u>23.071.920.418</u>

3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là khoản dự phòng phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(23.304.399.667)	
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối kỳ	<u>(23.304.399.667)</u>	

4. Hàng tồn kho

Là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

5. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	7.245.802.128	7.157.746.260
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	19.000.000	19.000.000
Cộng	<u>7.264.802.128</u>	<u>7.176.746.260</u>

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	162.500.000	1.594.199.546	101.333.113	1.858.032.659
Số cuối kỳ	<u>162.500.000</u>	<u>1.594.199.546</u>	<u>101.333.113</u>	<u>1.858.032.659</u>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			101.333.113	101.333.113
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	82.942.692	873.095.477	101.333.113	1.057.371.282
Khấu hao trong kỳ	10.156.248	100.662.906	-	110.819.154
Số cuối kỳ	<u>93.098.940</u>	<u>973.758.383</u>	<u>101.333.113</u>	<u>1.168.190.436</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	79.557.308	721.104.069	-	800.661.377
Số cuối kỳ	<u>69.401.060</u>	<u>620.441.163</u>	<u>-</u>	<u>689.842.223</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Đầu tư vào công ty con

Giảm trong năm do phân loại đầu tư vào Công ty TNHH Thủy điện Đăk Lây sang đầu tư vào công ty liên kết.

8. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung ⁽ⁱ⁾	673.000	6.730.000.000	673.000	6.730.000.000
Công ty TNHH Thủy điện Đăk Lây ⁽ⁱⁱ⁾		10.561.458.336		
Cộng		17.291.458.336		6.730.000.000

(i) Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0401380849 thay đổi lần thứ 1 ngày 17 tháng 12 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung 6.730.000.000 VND, tương đương với 34,96% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên số 6100593280, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 27 tháng 5 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Thủy điện Đăk Lây 10.561.458.336 VND, tương đương 42,06% vốn điều lệ. Do thay đổi tỷ lệ sở hữu nên khoản đầu tư này được trình bày sang công ty liên kết. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 10.561.458.336 VND, vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH Thủy điện Đăk Lây là 4.999.541.664 VND.

9. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		1.900.000.000		1.900.000.000
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch II ⁽ⁱ⁾	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkring ⁽ⁱ⁾	40.000	400.000.000	40.000	400.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	50.000	500.000.000	50.000	500.000.000
Cộng		1.900.000.000		1.900.000.000

(i) Là khoản ủy thác đầu tư qua Tổng Công ty Sông Đà

10. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(230.000.000)	(380.000.000)
Dự phòng khoản lỗ của công ty con, công ty liên kết	(750.142.222)	(750.142.222)
Cộng	(980.142.222)	(1.130.142.222)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(1.130.142.222)	(1.259.648.014)
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm		(10.494.208)
Hoàn nhập dự phòng	150.000.000	
Số cuối năm	(980.142.222)	(1.270.142.222)

11. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Là chi phí thuê văn phòng		
Số đầu năm	48.000.000	51.441.500
Phát sinh tăng trong kỳ	96.000.000	96.000.000
Phân bổ vào chi phí SXKD trong kỳ	(96.000.000)	(99.441.500)
Số cuối kỳ	48.000.000	48.000.000

12. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	11.704.721.874	13.508.216.064
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngũ Hành Sơn</i>	<i>11.704.721.874</i>	<i>13.508.216.064</i>
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	749.450.000	1.249.450.000
Cộng	12.454.171.874	14.757.666.064

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	13.508.216.064	1.544.150.810	3.347.645.000	11.704.721.874
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	1.249.450.000		500.000.000	749.450.000
Cộng	14.757.666.064	1.544.150.810	3.847.645.000	12.454.171.874

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.729.798.878	181.612.640	253.799.788	1.657.611.730
Thuế thu nhập doanh nghiệp	374.141.437	180.729.771		554.871.208
Thuế thu nhập cá nhân	100.379.725	(11.709.766)		88.669.959
Các loại thuế khác		3.000.000	3.000.000	
Cộng	2.204.320.040	353.632.645	256.799.788	2.301.152.897

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.790.878.127)	52.775.967
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		102.907.376
- Các khoản điều chỉnh tăng		102.907.376
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Tổng thu nhập chịu thuế	(1.790.878.127)	155.683.343
Phân bổ thu nhập từ chênh lệch góp vốn vào Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung bằng tài sản được hoãn nộp thuế trong năm 2010	821.498.960	821.498.960
Lỗi các năm trước được chuyển		(155.683.343)
Thu nhập tính thuế	821.498.960	821.498.960
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	180.729.771	205.374.740
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	180.729.771	205.374.740

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. Chi phí phải trả

Là khoản trích trước chi phí công trình

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	515.462.807	522.416.927
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	259.674.972	232.396.879
Tiền khối lượng phải trả theo hợp đồng khoán	2.002.845.823	2.062.845.823
Tiền lãi vay phải trả các ngân hàng	5.916.546.803	5.916.546.803
Tiền lãi vay phải trả các cá nhân	245.841.597	204.964.382
Các khoản phải trả phải nộp khác	521.495.907	523.803.265
Cộng	9.461.867.909	9.462.974.079

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	6.800.381			6.800.381
Quỹ phúc lợi	6.652.956			6.652.956
Cộng	13.453.337			13.453.337

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	410.749.480	616.124.220
Khoản hoãn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	(230.019.709)	(205.374.740)
Số cuối kỳ	<u>180.729.771</u>	<u>410.749.480</u>

18. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	13.510.260.157	3.057.911.703	775.138.871	(45.622.538.439)	21.720.772.292
Lợi nhuận trong kỳ này					(1.741.588.189)	(1.741.588.189)
Số dư cuối kỳ này	<u>50.000.000.000</u>	<u>13.510.260.157</u>	<u>3.057.911.703</u>	<u>775.138.871</u>	<u>(47.364.126.628)</u>	<u>19.979.184.103</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	5.000.000	5.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	152.880.000
Doanh thu hoạt động xây dựng (*)	4.518.569.499	19.309.004.156
Doanh thu thuần	<u>4.518.569.499</u>	<u>19.461.884.156</u>
(*) Trong đó:		
Doanh thu phát sinh trong kỳ	5.540.209.090	20.455.349.435
Doanh thu các năm trước bị cắt giảm	(1.021.639.591)	(1.146.345.279)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	198.576.000
Giá vốn của hợp đồng xây dựng (i)	4.149.670.689	17.465.053.913
Cộng	<u>4.149.670.689</u>	<u>17.663.629.913</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(i) Giá vốn hợp đồng xây dựng như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	1.717.760.513	7.149.859.119
Chi nhân công trực tiếp	882.897.301	1.631.473.642
Chi phí sử dụng máy thi công	23.631.672	420.000.000
Chi phí sản xuất chung	175.820.505	600.121.030
Chi phí thuê thầu phụ	445.570.220	3.782.552.558
Các khoản giảm theo hợp đồng giao khoán cho chủ nhiệm công trình		(2.608.268.235)
Tổng chi phí sản xuất	3.245.680.211	10.975.738.114
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.895.885.933	6.489.315.799
Cộng	5.141.566.144	17.465.053.913
Giá vốn các năm trước do giảm doanh thu	(991.895.455)	
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	4.149.670.689	17.465.053.913

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi ngân hàng.

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	683.355.691	1.150.126.869
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(150.000.000)	10.494.208
Chi phí tài chính khác		200.000
Cộng	533.355.691	1.160.821.077

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	871.914.035	630.566.962
Chi phí vật liệu quản lý	159.333.776	182.857.755
Chi phí đồ dùng văn phòng	6.445.000	
Chi phí khấu hao TSCĐ	110.819.154	118.668.644
Thuế, phí và lệ phí	56.110.362	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	246.159.772	264.754.995
Chi phí bằng tiền khác	145.806.227	384.391.500
Cộng	1.596.588.326	1.584.239.856

6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định		3.213.318.182
Thu thanh lý công cụ dụng cụ		12.100.000
Thu nhập khác		60.000
Cộng		3.225.478.182

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định		2.108.697.915
Giá trị còn lại của CCDC bán thanh lý		20.258.759
Thuế bị phạt, bị truy thu		102.907.376
Chi phí khác	31.282.201	
Cộng	31.282.201	2.231.864.050

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.741.588.189)	52.775.967
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.741.588.189)	52.775.967
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(348)	11

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.877.094.289	7.332.716.874
Chi phí nhân công	1.893.445.616	2.627.065.475
Chi phí khấu hao tài sản cố định	110.819.154	118.668.644
Chi phí dịch vụ mua ngoài	720.916.217	2.173.910.751
Chi phí khác	239.993.261	506.192.226
Cộng	4.842.268.537	12.758.553.970

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chuyển nợ thành góp vốn vào Công ty TNHH Thủy điện Đắk Lắk	3.041.506.525	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Cam kết góp vốn

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên số 6100593280, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 27 tháng 5 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Thủy điện Đăk Lây 15.561.000.000 VND, tương đương 42,06% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 10.561.458.336 VND, vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH Thủy điện Đăk Lây là 4.999.541.664 VND.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Ban điều hành		
Cho Công ty vay ngắn hạn	50.000.000	
Công ty trả tiền vay ngắn hạn	500.000.000	100.000.000
Tiền lãi vay Công ty phải trả	40.877.215	79.806.175
Nhận tạm ứng	427.500.000	100.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Ban điều hành				
Phải thu tiền tạm ứng	4.846.265.223		4.468.765.223	
Ban kiểm soát				
Phải thu tiền tạm ứng	30.000.000		30.000.000	
Cộng nợ phải thu	4.876.265.223		4.468.765.223	

Ban điều hành

Tiền vay ngắn hạn	749.450.000	1.249.450.000
Lãi vay	245.841.597	204.964.382
Cộng nợ phải trả	995.291.597	1.454.414.382

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	163.213.875	110.393.227
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát		238.882.806
Cộng	163.213.875	349.276.033

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Thủy điện Đăk Lây	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung	Công ty liên kết

Các giao dịch phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Thủy điện Đăk Lây		
Sông Đà 19 bán thanh lý tài sản		1.933.000.000
Sông Đà 19 bán thanh lý công cụ dụng cụ		13.310.000
Sông Đà 19 chuyển nhượng công trình đang thi công		1.919.867.289
Các khoản bù trừ công nợ		2.736.907.742
Sông Đà 19 góp vốn bằng bù trừ công nợ	3.041.506.525	
Các khoản Đăk Lây chi hộ	14.511.400	

Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung

Sông Đà 19 bán thanh lý tài sản		1.587.850.000
Sông Đà 19 thanh toán tiền khối lượng công trình		3.710.636.000
Bù trừ công nợ	1.401.248.100	1.045.011.590
Phải thu Sông Đà Miền Trung tiền khối lượng công trình bị cắt giảm	991.895.455	
Sông Đà 19 phải trả lại tiền phụ phí do cắt giảm công trình	29.744.136	

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thủy điện Đăk Lây		
Tiền khối lượng công trình Thủy điện Đăk Lây và thuê ca máy		3.041.506.525
Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung		
Tiền khối lượng thi công công trình	1.526.865.305	
Cộng nợ phải thu	<u>1.526.865.305</u>	<u>3.041.506.525</u>
Công ty TNHH Thủy điện Đăk Lây		
Tiền chi hộ	14.511.400	
Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung		
Tiền khối lượng thi công công trình		932.749.245
Cộng nợ phải trả	<u>14.511.400</u>	<u>932.749.245</u>

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Miền Bắc và khu vực Miền Trung.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	5.347.299.999	(828.730.500)		4.518.569.499
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.347.299.999	(828.730.500)		4.518.569.499
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	398.642.946	(29.744.136)		368.898.810
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				1.596.588.326
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(1.227.689.516)
Doanh thu hoạt động tài chính				1.449.281
Chi phí tài chính				(533.355.691)
Thu nhập khác				
Chi phí khác				(31.282.201)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				180.729.771
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(230.019.709)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(1.741.588.189)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	96.000.000			96.000.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	199.617.748	7.201.406		206.819.154
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	9.985.449.757	9.476.434.399		19.461.884.156
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.985.449.757	9.476.434.399		19.461.884.156
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	607.485.615	1.190.768.628		1.798.254.243
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				1.584.239.856
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				214.014.387
Doanh thu hoạt động tài chính				5.968.525

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Các khoản loại trừ	Cộng
Chi phí tài chính				(1.160.821.077)
Thu nhập khác				3.225.478.182
Chi phí khác				(2.231.864.050)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				205.374.740
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(205.374.740)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				52.775.967
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	111.866.542	106.243.607		218.110.144
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	27.158.281.432	25.071.626.003		52.229.907.435
Tài sản phân bổ cho bộ phận	712.150.689	25.691.534		737.842.223
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				18.211.316.114
Tổng tài sản				71.179.065.772
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	16.482.257.881	34.717.623.788		51.199.881.669
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				
Tổng nợ phải trả				51.199.881.669
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	33.496.336.818	29.427.518.690		62.923.855.508
Tài sản phân bổ cho bộ phận	501.905.687	346.755.690		848.661.377
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				15.019.809.589
Tổng tài sản				78.792.326.474
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	20.422.889.255	36.648.664.927		57.071.554.182
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				
Tổng nợ phải trả				57.071.554.182

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là xây lắp.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan chủ yếu hoạt động xây lắp, việc thanh toán còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Tuy nhiên, rủi ro chỉ tập trung vào phần giá trị công trình chờ phê duyệt quyết toán nên rủi ro tín dụng đối với khoản phải thu khách hàng là trung bình.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Công ty chỉ cho một cá nhân vay tiền. Ban Tổng Giám đốc nhận thấy có rủi ro khó có khả năng thu được hồi được khoản cho vay này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	72.328.653				72.328.653
Phải thu khách hàng	30.528.178.335		1.309.147.480	242.994.043	32.080.319.858
Các khoản phải thu khác	28.557.000			22.996.305.624	23.024.862.624
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	900.000.000			1.000.000.000	1.900.000.000
Cộng	31.529.063.988		1.309.147.480	24.239.299.667	57.077.511.135

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm					
Tiền và các khoản trương đơng tiền	505.857.140				505.857.140
Phải thu khách hàng	39.470.309.623		1.309.147.480	242.994.043	41.022.451.146
Các khoản phải thu khác	28.557.000			22.996.305.624	23.024.862.624
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	900.000.000			1.000.000.000	1.900.000.000
Cộng	40.904.723.763		1.309.147.480	24.239.299.667	66.453.170.910

Chi tiết thời gian quá hạn của khoản phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quá hạn trên 2 năm đến 3 năm	1.309.147.480	1.309.147.480

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	12.454.171.874			12.454.171.874
Phải trả người bán	18.963.564.541			18.963.564.541
Các khoản phải trả khác	10.345.609.389			10.345.609.389
Cộng	41.763.345.804			41.763.345.804
Số đầu năm				
Vay và nợ	14.757.666.064			14.757.666.064
Phải trả người bán	23.826.440.974			23.826.440.974
Các khoản phải trả khác	9.921.469.312			9.921.469.312
Cộng	48.505.576.350			48.505.576.350

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là trung bình. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán. Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty là khoản vay ngắn hạn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 249.083.437 VND (năm trước giảm/tăng 295.153.321 VND).

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư phù hợp với tình hình hoạt động.

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	72.328.653		505.857.140	-	72.328.653	505.857.140
Phải thu khách hàng	32.080.319.858	(242.994.043)	41.022.451.146	(242.994.043)	31.837.325.815	40.779.457.103
Các khoản phải thu khác	23.024.862.624	(22.996.305.624)	23.024.862.624	(22.996.305.624)	28.557.000	28.557.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.900.000.000	(230.000.000)	1.900.000.000	(380.000.000)	1.670.000.000	1.520.000.000
Cộng	57.077.511.135	(23.469.299.667)	66.453.170.910	(23.619.299.667)	33.608.211.468	42.833.871.243

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	12.454.171.874	14.757.666.064	12.454.171.874	14.757.666.064
Phải trả người bán	18.963.564.541	23.826.440.974	18.963.564.541	23.826.440.974
Các khoản phải trả khác	10.345.609.389	9.921.469.312	10.345.609.389	9.921.469.312
Cộng	41.763.345.804	48.505.576.350	41.763.345.804	48.505.576.350

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ được lấy theo số liệu Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Hà Nội, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được lấy theo số liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Hà Nội. Trong đó số liệu so sánh trên chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" được lập lại theo số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 do kỳ trước Lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty, kỳ này công ty không phải lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 4 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu

Hoàng Việt Thanh

Kế toán trưởng

Trần Trung Khin

Tổng Giám đốc



Vũ Trung Trực